

Bản án số: 07/2022/HC-ST
Ngày: 23-6-2022
V/v khiếu kiện Quyết định
hành chính trong lĩnh vực thuế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thế Dũng

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải
Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 23-6-2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử công
khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 10/2021/TLST - HC ngày 11 tháng 11 năm
2021, về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 04/QĐST-XX ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân
thành phố Vũng Tàu, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Lâm Thị D, sinh năm 1991; Địa chỉ nhà số M, đường, B,
Phường H, thành phố V, tỉnh B (Vắng mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Quốc C, sinh năm
1965; Địa chỉ nhà số S, đường N, phường N, TP.V. Theo Giấy ủy quyền ngày 05-9-
2019. (Có mặt tại phiên tòa).

2. *Người bị kiện:* Chi cục T khu vực V; Địa chỉ trụ sở số M, đường B, Phường T,
thành phố V, tỉnh B.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn Đ. Chức vụ: Chi cục Trưởng Chi
cục T khu vực V (Vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H. Chức vụ: Phó Chi cục
Trưởng Chi cục T khu vực V. Theo Giấy ủy quyền ngày 06-12-2021. (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chi nhánh Văn phòng Đ thành phố V; địa chỉ trụ sở số C, đường T, Phường M,
thành phố V, tỉnh B.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Đình Q. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ đại thành phố V (Vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Dương H. Chức vụ: Chuyên viên Tổ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận - Chi nhánh Văn phòng Đ thành phố V. Theo Giấy ủy quyền ngày 12-4-2022. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người khởi kiện bà Lâm Thị D và người đại diện theo ủy quyền của bà D là ông Trần Quốc C trình bày:

- Ngày 28-10-2019, bà D nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận (bổ sung) phần diện tích 13,8m² đất thuộc thửa 329, tờ bản đồ số 25, Phường H, TP. V để nhập thửa vào diện tích 101,5m², thuộc thửa 16 (cũ 328), tờ bản đồ số 04 (cũ 25C), Phường H, thành phố V. Ngày 31-3-2020, Chi cục T thành phố V ban hành 02 Thông báo yêu cầu bà D nộp các số tiền, gồm: Thông báo nộp lệ phí trước bạ số LTB2071701-TK0011035/TB-CCT với số tiền 14.490 đồng; Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân số LTB2071701-TK0011036/TB-CCT với số tiền 57.960 đồng. Bà D nộp đủ 02 khoản tiền trên là 72.450 đồng. Ngày 23-4-2020, bà D đã nộp toàn bộ chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Chi nhánh Văn phòng Đ thành phố V và được hẹn trả hồ sơ vào ngày 06-5-2020. Loại đất được xác định: đất trồng cây lâu năm. Nhưng đến ngày 11-5-2021, Chi cục T khu vực V ban hành tiếp tục 03 thông báo yêu cầu bà D nộp các khoản tiền sau: Thông báo nộp lệ phí trước bạ số LTB2171701 - TK0013174/TB-CCT là 527.436 đồng; Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân số LTB2171701 - TK0013175/TB-CC là 2.109.744 đồng và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2171701 - TK0013176/TB-CCT là 337.559.040 đồng. Bà D khiếu nại nên ngày 24-12-2021, Chi cục thuế khu vực V tiếp tục ban hành nộp tiền sử dụng đất số LTB2171701 - TK0028908/TB-CCT thay đổi số tiền 168.779.520 đồng (thay thế Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2171701 - TK0013176/TB-CCT nộp số tiền 337.559.040 đồng), còn Thông báo nộp lệ phí trước bạ và Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân cùng ngày 11-5-2021 vẫn giữ nguyên số tiền là không đúng, bởi vì, 13,8m² đất bà D đang làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là một phần diện tích của thửa 329 (mới 15), tờ 25C (mới tờ 04), Phường M, TP. V là của vợ chồng ông N-bà H khai phá làm nhà ở và vườn ao nuôi cá từ năm 1962. Năm 1992, vợ chồng ông N bà H chuyển nhượng cho ông Trần Văn H1. Ngày 28-4-1992, ông H được UBND thành phố Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất. Ngày 29-11-2000, ông H được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra quyết định số 6015/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 275,0m² gồm 230,0m² đất ở và 45,0m² đất nông nghiệp. Khi còn sống, ông H cho bà Trần Thị Mỹ L 13,8m² đất một phần diện tích thuộc thửa đất 329. Hai bên tiến hành xây dựng tường rào nên diện tích đất cho vẫn nằm trong Giấy chứng nhận đứng tên ông H nhưng thực tế và L đã sử dụng. Ông H chết. Năm 2003, bà Trần Thị L1 - con gái ông H làm thủ tục thừa kế đối với thửa 329, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20-11-2003 với diện tích 230m² đất

ở, cắt trừ 45m² đất nông nghiệp (trong đó có diện tích 13,8m² đất trước đó ông H cho bà L1). Bà L1 có diện tích 101m² đất thuộc thửa 328 giáp ranh với thửa 329 nên ông H cho 13,8m² phần giáp ranh này. Sau đó, bà L chuyển nhượng toàn bộ thửa 328 và 13,8m² đất nêu trên cho bà D. Do đó, diện tích 13,8m² đất một phần diện tích thửa 329 trên ông N bà H đã làm nhà ở, và vườn ao nuôi cá từ năm 1962 nên diện tích 13,8m² phải được xác định là đất vườn, ao và không phải nộp tiền sử dụng đất. Ngoài ra, còn một số điều bất hợp lý khác như các thông báo yêu cầu bà D thực hiện nghĩa vụ tài chính trên cơ sở xác định giá đất ở là không phù hợp với loại đất đã cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H và các thông báo nộp lệ phí trước bạ và thuế thu nhập cá nhân lần sau không khấu trừ số tiền bà D đã nộp lần trước là trái qui định của pháp luật. Do đó, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy 03 Thông báo của Chi cục T khu vực V, gồm: Thông báo nộp lệ phí trước bạ số LTB2171701 - TK0013174/TB-CCT ngày 11-5-2021 với số tiền 527.436 đồng; Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân số LTB2171701 - TK0013175/TB-CC ngày 11-5-2021 với số tiền 2.109.744 đồng và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2171701 - TK0028908/TB-CCT ngày 24-12-2021 với số tiền 168.779.520 đồng.

- Đồng thời, yêu cầu Tòa án buộc Chi cục T khu vực V cùng Chi nhánh Văn phòng Đ thành phố V liên đới giải quyết lại hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính của bà D theo qui định.

2. Theo văn bản số 9465/CCTKV-THNVDTPC ngày 23-12-2021, người bị kiện-Chi cục T khu vực V và người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Nguyễn Thanh H trình bày:

- Ngày 30-3-2020, Chi cục T khu vực V nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính số 32223/PC ngày 13-02-2020 của Chi nhánh Văn phòng Đ TP V xác định, diện tích 13,8m² đất, có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của Trần Thị Mỹ L; “*diện tích đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận là 13,8m² đất trồng cây lâu năm*”. Ngày 31-3-2020, Chi cục T ban hành Thông báo, gồm: Thông báo nộp lệ phí trước bạ số LTB2071701-TK0011035/TB-CCT, với số tiền 14.490 đồng và Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân số LTB2071701-TK0011036/TB-CCT với số tiền 57.960 đồng.

- Ngày 06-5-2021 Chi nhánh Văn phòng Đ TP Vũng Tàu có công văn số 2309/CNVPĐK-ĐKCG về việc hủy phiếu chuyển thông tin địa chính số 32223 và đề nghị Chi cục T thu hồi các thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan của bà D theo phiếu chuyển thông tin địa chính số 32223. Đồng thời, ban hành Phiếu chuyển thông tin địa chính số 99904 ngày 07-5-2021 với nội dung “*đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận bổ sung diện tích 13,8m² đất ở đô thị...phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ). Loại đất: Đất ở đô thị ngoài hạn mức*” nên ngày 11-5-2021 Chi cục T ban hành các Thông báo, gồm: Thông báo nộp lệ phí trước bạ số LTB2171701 - TK0013174/TB-CCT, với số tiền 527.436 đồng; Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân

số LTB2171701 - TK0013175/TB-CC, với số tiền 2.109.744 đồng; Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2171701 - TK0013176/TB-CCT, với số tiền 337.559.040 đồng. Sau đó, ngày 24-12-2021, Chi cục Thuế ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2171701 - TK0028908/TB-CCT với số tiền 168.779.520 đồng (thay thế Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2171701 - TK0013176/TB-CCT ngày 11-5-2021).

Căn cứ các quy định pháp luật về đất đai; căn cứ nguồn gốc sử dụng đất; hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phiếu chuyển thông tin địa chính do Chi nhánh Văn phòng Đ thành phố V, Chi cục T xác định việc tính thuế và lệ phí là đúng theo qui định của pháp luật nên không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khiếu kiện của bà Lâm Thị D.

3. Người có quyền lợi liên quan - Chi nhánh Văn phòng Đ và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Dương H trình bày:

- Theo lời trình bày của Chi Cục T về quá trình giải quyết hồ sơ của bà Lâm Thị D là đúng.

- Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, trong hồ sơ thể hiện, diện tích 13,8m² là một phần diện tích thuộc thửa 329, có nguồn gốc do ông N khai phá năm 1962. Năm 1992 chuyển nhượng cho ông Trần Văn H sử dụng. Ngày 28-4-1992, ông H – bà Phạm Thị H được UBND TP. V cấp Giấy chứng nhận QSH nhà đất số 754/CNSH. Năm 2000, ông H được UBND tỉnh cấp giấy số R 571659 với diện tích 550,0m² (gồm 230,0m² đất ở và 320,0m² đất nông nghiệp). Khi còn sống, ông H cho bà L 13,8m² đất. Ông H chết, bà L1 là người được hưởng thừa kế thừa đất trên. Năm 2003, bà L1 được cấp giấy chứng nhận QSD đất với diện tích 508,0m² (giảm 42,0m² so với diện tích nhận thừa kế). Trong tổng diện tích giảm, có diện tích ông H khi còn sống đã cho bà Trần Thị Mỹ L. Sau đó bà L sang nhượng lại cho cháu là bà Lâm Thị D sử dụng 13,8m². Như vậy, thửa đất số 329, tờ bản đồ số 25 là thửa đất ở có vườn, ao được hình thành từ ngày 18-12-1980 đến trước ngày 15-10-1993, hạn mức đất ở được công nhận của thửa đất là 230,0m², đã có giấy tờ theo quy định tại khoản 1, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và nằm ngoài hạn mức đất ở được công nhận nên căn cứ theo điểm b khoản 3; điểm a khoản 5, Điều 22 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận bổ sung và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, Điều 9 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi tại Khoản 4 Điều 2, Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ).

4. Tại phiên tòa:

- Đại diện ủy quyền của người khởi kiện rút yêu cầu hủy Thông báo nộp lệ phí trước bạ số LTB2171701 - TK0013174/TB-CCT; Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân số LTB2171701 - TK0013175/TB-CC cùng ngày 11-5-2021. Đồng thời, đại diện ủy quyền của người khởi kiện và người bị kiện thống nhất, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà D sẽ có đơn yêu cầu thì Chi cục T sẽ làm thủ tục cản trừ số tiền lệ phí trước bạ và thuế thu nhập cá nhân mà bà D đã nộp.

- Bà D vẫn giữ yêu cầu Tòa án hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2171701 - TK0028908/TB-CCT ngày 24-12-2021, bởi lẽ, diện tích đất 13,8m² nêu trên chỉ có thể là áp dụng theo điểm b khoản 5 Điều 24 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 là không phải nộp tiền sử dụng đất hoặc chỉ có thể áp dụng theo điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP là nộp 50% tiền sử dụng đất nhưng thông báo nêu trên yêu cầu nộp 100% là không phù hợp theo pháp luật

- Đại diện VKSND TP Vũng Tàu phát biểu ý kiến (có bài phát biểu kèm theo).

- Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cơ bản thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính. Tuy nhiên, về thời hạn đưa vụ án ra xét xử là vi phạm Điều 130 của Luật Tố tụng Hành chính nên cần rút kinh nghiệm.

- Về nội dung: Căn vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Đình chỉ xét xử đối với Thông báo nộp lệ phí trước bạ số LPTB2171701-TK0013174/TB-CCT ngày 11/5/2021 và Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân số LPTB2171701-TK0013175/TB-CCT ngày 11/5/2021.

- Hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2171701-TK0028908/TB-CCT ngày 24/12/2021 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai xác định là đất ở vượt hạn mức kéo theo việc Chi cục thuế nhân hệ số 1.6 là không đúng.

Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, buộc Chi nhánh văn phòng Đ và Chi cục T giải quyết lại hồ sơ tính toán nghĩa vụ tài chính cho người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị D, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế” theo khoản 1 Điều 30 của Luật Tố tụng Hành chính.

[1.2]. Đối tượng bị khởi kiện là Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2171701-TK0028908/TB-CCT ngày 24-12-2021 của Chi cục T;

- Người bị kiện là Chi cục T.

[1.3]. Thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Điều 30 và Điều 31 của Luật tố tụng Hành chính xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

[1.4]. Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính 2015, yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị D còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2]. Các bên thống nhất các vấn đề sau:

- Diện tích 13,8m² đất có nguồn gốc thuộc thửa 329, tờ bản đồ số 25C, Phường H, thành phố V, được ông N, bà H khai phá làm nhà ở và ao nuôi cá từ năm 1962. Năm 1992, ông N, bà H chuyển nhượng cho ông H. Năm 2000, ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 550m² đất thuộc thửa 329 và 333. Ông H cho bà L diện tích 13,8m² đất trên. Ông H chết, bà L1 con gái ông H được thừa kế, được cấp giấy diện tích 508m², thiếu 42m², trong đó có 13,8m² đất ông H đã cho bà L. Bà L chuyển nhượng cho bà D diện tích 101,5m² thuộc thửa 328 và 13,8m² thuộc thửa 329.

- Diện tích 13,8m² đất trên hiện nay không nằm trong Giấy chứng nhận của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào.

- Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2171701-TK0028908/TB-CCT ngày 24-12-2021 yêu cầu bà D nộp 168.779.520 là 100% thuế sử dụng đất.

- Đối với hồ sơ đăng ký biến động đất như: Xác định diện tích đất ở vườn, ao; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chuyển mục đích sử dụng... theo luật thì áp dụng pháp luật về lĩnh đất đai đang có hiệu lực tại thời điểm tiếp nhận giải quyết hồ sơ.

[3]. Xét tính hợp pháp của Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2171701-TK0028908/TB-CCT ngày 24-12-2021.

[3.1]. Về thẩm quyền ban hành.

Căn cứ vào Văn bản số 99904 ngày 07-5-2021 của Chi nhánh Văn phòng Đ thành phố V, Chi cục T ban hàng Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2171701-TK0028908/TB-CCT ngày 24-12-2021 là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo khoản 2 Điều 14 và khoản 3 Điều 17 của Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

[3.2]. Tại phiên tòa, người khởi kiện rút yêu cầu hủy Thông báo nộp lệ phí trước bạ số LTB2171701 - TK0013174/TB-CCT; Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân số LTB2171701 - TK0013175/TB-CC cùng ngày 11-5-2021. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà D sẽ có đơn yêu cầu thì Chi cục T sẽ đồng ý làm thủ tục cản trừ số tiền lệ phí trước bạ và thuế thu nhập cá nhân mà bà D đã nộp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 165 của Luật Tổ tụng Hành chính, Hội đồng xét xử chấp đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[3.2]. Xét yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2171701-TK0028908/TB-CCT ngày 24-12-2021.

Hội đồng nhận thấy, đối chiếu về nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích 13,8m² đất, một phần diện tích đất thuộc thửa 329 tại Biên bản xác minh ngày 05-7-1999 của UBND Phường M, thành phố V (Bút lục 28); Danh sách các hộ gia đình, cá nhân được cấp Giấy của UBND tỉnh B ngày 29-11-2000 (Bút lục 31); Xác nhận ngày 23-8-2019 của UBND Phường H, thành phố V xác nhận đều có nội dung “*nguồn gốc diện tích 13,8m² đất bà Lâm Thị D đang làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là một phần diện tích thuộc thửa số 329, tờ bản đồ số 25C có nguồn gốc do ông N khai phá năm 1962 sử dụng làm nhà ở và ao nuôi cá đến năm 1992 chuyển*

nhượng cho ông Trần Văn H sử dụng. Năm 2000, ông H được UBND tỉnh cấp Giấy số R 571659 với diện tích 550,0m² (gồm 230m² đất ở và 320m² đất nông nghiệp). Năm 1998, ông H chết không để lại di chúc. Năm 2002, gia đình họp đồng ý để bà Trần Thị L1 được toàn quyền sử dụng diện tích đất trên. Đến năm 2003, bà L1 được UBND TP. V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 508m², giảm 42m² so với diện tích nhận thừa kế. Trong diện tích giảm có diện tích ông H khi còn sống đã cho bà Trần Thị Mỹ L. Sau đó, bà L sang nhượng lại cho cháu là bà Lâm Thị D sử dụng. Nay bà D xin cấp giấy bổ sung diện tích 13,8m² có nguồn gốc nêu trên. Hiện không có tranh chấp...” và đều được các bên thừa nhận là đúng. Do đó, diện tích 13,8m² đất nêu trên thỏa mãn khoản 1, 2 Điều 103 của Luật Đất đai “1. Đất vườn, ao của hộ gia đình, cá nhân được xác định là đất ở phải trong cùng một thửa đang có nhà ở. 2. Đối với trường hợp thửa đất có vườn, ao được hình thành từ trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất qui định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó.

Trường hợp các loại về quyền sử dụng đất qui định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật này chưa xác định rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được công nhận không phải nộp tiền sử dụng đất được xác định bằng không quá 05 lần hạn mức giao đất ở tại khoản 2 Điều 143 và khoản 4 Điều 144 của Luật này”. Như vậy, diện tích 13,8m² đất nêu trên phải được xác định là đất vườn, ao, do đó, khi cơ quan chức năng xác định lại diện tích đất này phải áp dụng theo điểm b khoản 5 Điều 24 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 hướng dẫn “Trường hợp được cấp Giấy chứng nhận trước đây mà người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ qui định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định này nhưng diện tích đất chưa được xác định theo qui định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 103 của Luật Đất đai, khoản 3 Điều này và chưa xác định lại theo qui định tại điểm b, c khoản 1 Điều 45 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003, nay người sử dụng đất có đơn đề nghị xác định lại diện tích đất ở hoặc Nhà nước thu hồi thì diện tích đất ở được xác định lại theo qui định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 103 của Luật Đất đai và khoản 3 Điều này; hộ gia đình, cá nhân không phải nộp tiền sử dụng đất, được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất đối với diện tích đã được xác định là đất ở”.

Từ phân tích trên có cơ sở xác định diện tích 13,8m² đất có nguồn gốc từ thửa 329, được hình thành trước ngày 18-12-1980, trên thửa đất có nhà, vườn và ao nuôi cá, nay được xác định lại thì được áp dụng theo điểm b khoản 5 Điều 24 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 là không phải nộp tiền sử dụng đất nhưng Thông báo số LTB 2171701-TK0028908/TB-CCT ngày 24-12-2021 của Chi cục T yêu cầu bà D phải nộp 100% là không phù hợp với qui định của pháp luật.

Như vậy, theo quan điểm của người đại diện ủy quyền của người khởi kiện cho rằng, diện tích đất trên có thể áp dụng theo điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP cũng không có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D về việc hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2171701-TK0028908/TB-CCT ngày 24-12-2021.

[4]. Ngoài ra, người yêu cầu khiếu kiện yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp các Phiếu chuyển Thông tin địa chính số 99904/PC ngày 07-5-2021 của Chi nhánh Văn phòng Đ thành phố V. Hội đồng xét xử xét, Phiếu chuyển thông tin địa chính nêu là văn bản trao đổi nội bộ giữa Chi nhánh Văn phòng Đ và Chi cục T, do đó, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 30 của Luật Tổ tụng Hành chính yêu cầu trên là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[5]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận nên hoàn tiền án phí cho bà D và Chi cục T khu vực V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH2014 về án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 31, 116, 165, 193, 194, 204 và Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính;

- Áp dụng khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 5 Điều 24 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 và khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Lâm Thị D đối với người bị kiện là Chi cục T về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế”.

Tuyên xử:

[1]. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị D đối với người bị kiện là Chi cục T Khu vực V về việc yêu cầu hủy Thông báo nộp lệ phí trước bạ số LTB 2171701-TK0013174/TB-CCT và Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân số LTB 2171701-TK0013175/TB-CCT cùng ngày 11-5-2021

[2]. Hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 2171701-TK0028908/TB-CCT ngày 24-12-2021 vì trái pháp luật;

[3]. Chi cục T khu vực V và Chi nhánh Văn phòng Đ thành phố có trách nhiệm phối hợp thực hiện việc tính lại tiền sử dụng đất đối với diện tích 13,8m² đất thuộc thửa 329, tờ bản đồ số 25, Phường M, TP. V của bà Lâm Thị D theo qui định của pháp luật đất đai.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Chi cục T khu vực V phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Hoàn số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm cho bà Lâm Thị D theo biên lai số 0001380 ngày 10-11-2021 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND TP.Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án TP.Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thế Dũng